

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

**1.1. Cơ sở chính trị**

Trong thời gian qua, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành nhiều văn kiện thể hiện chủ trương, chính sách của Đảng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, giữ vững kỷ cương, kỷ luật và tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật. Cụ thể:

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ nhấn mạnh: “*Chuẩn hoá, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với xây dựng thể chế, tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, phát huy sáng tạo và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung. Phân công, phân cấp gắn với giao quyền, ràng buộc trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và xử lý nghiêm minh sai phạm*”.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định mục tiêu: “*Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*”; “*Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội*”.

Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như: (i) “*Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán*”; (ii) “*Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững*”; (iii) “*Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật*”...

Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương ban hành về kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm quy định nội dung vi phạm và hình thức kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật.

Quy định số 148-QĐ/TW ngày 23/5/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước quy định nguyên tắc, căn cứ, thẩm quyền, trách nhiệm, thời hạn, thủ tục, hồ sơ tạm đình chỉ công tác của người đứng đầu đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Để thể chế hoá kịp thời, đầy đủ, đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng tại các văn bản nói trên, các quy định về việc kiểm tra và xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cũng cần được rà soát, nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện.

## **1.2. Cơ sở pháp lý**

1.2.1. Các hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP được quy định căn cứ vào các hành vi bị nghiêm cấm và trách nhiệm của người có thẩm quyền trong xử lý vi phạm hành chính được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Tại Kỳ họp thứ 10, ngày 13/11/2020, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022. Luật số 67/2020/QH14 được ban hành với những quy định sửa đổi, bổ sung liên quan đến các hành vi bị nghiêm cấm và trách nhiệm của người có thẩm quyền trong xử lý vi phạm hành chính. Mặt khác, trên cơ sở các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), ngày 23/12/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (Nghị định số 118/2021/NĐ-CP), trong đó, quy định một số nội dung liên quan đến hoạt động kiểm tra công tác thi hành pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính và quy định các căn cứ để xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức. Hiện nay, Bộ Tư pháp

đang tiến hành xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP cũng bám sát các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

1.2.2. Ngày 18/9/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 112/2020/NĐ-CP về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023). Theo đó, Nghị định này đã quy định về các nguyên tắc xử lý kỷ luật; các hành vi bị xử lý kỷ luật và việc áp dụng các hình thức kỷ luật tương ứng với các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành công vụ. Theo Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, các hình thức xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức được gắn với mức độ của hành vi vi phạm, gồm: Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng, vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng và vi phạm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, các quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP cần được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

1.2.3. Ngày 05/01/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, trong đó, Bộ Tư pháp được giao xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Nghị định số 19/2020/NĐ-CP là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động kiểm tra và xử lý kỷ luật trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Sau hơn 03 năm triển khai thực hiện Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, việc kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên tất cả các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương, góp phần đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Nhìn chung, việc kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đã được thực hiện bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Chương II Nghị định số 19/2020/NĐ-CP. Theo đó, hằng năm, các bộ, ngành và địa phương đều ban hành kế hoạch và quyết định về kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Từ năm 2020 đến tháng 7/2023, các bộ, ngành đã tổ chức thực hiện 348 cuộc kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý

vi phạm hành chính và ban hành 328 kết luận kiểm tra<sup>1</sup>. Tại địa phương, các UBND cấp tỉnh đã tiến hành 920 cuộc kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và ban hành 703 kết luận kiểm tra; các UBND cấp huyện đã tiến hành 1.197 cuộc kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và ban hành 779 kết luận kiểm tra. Về thi hành hình thức xử lý kỷ luật, hầu hết các bộ, ngành, địa phương đã nghiêm túc tuân thủ các quy định về xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, kịp thời khắc phục, nghiêm túc chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với những sai sót, sai phạm trong quá trình thực thi công vụ. Một số bộ như Bộ Công Thương và Bộ Quốc phòng đã xử lý kỷ luật đối với các trường hợp có vi phạm. Cụ thể, Bộ Công Thương đã khiển trách 12 trường hợp, cảnh cáo 07 trường hợp và hạ bậc lương đối với 01 trường hợp. Bộ Quốc phòng đã áp dụng hình thức kỷ luật “Tước danh hiệu quân nhân” đối với 02 quân nhân đã có hành vi: lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản của người vi phạm. Tại các địa phương, có 203 trường hợp cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trong đó: khiển trách 144 trường hợp, cảnh cáo 39 trường hợp, hạ bậc lương 07 trường hợp, giáng chức 01 trường hợp, cách chức 02 trường hợp và buộc thôi việc 06 trường hợp.

Tuy nhiên, sau hơn 03 năm triển khai thi hành Nghị định số 19/2020/NĐ-CP trên thực tiễn, Bộ Tư pháp nhận thấy, một số quy định của Nghị định này đã bộc lộ các khó khăn, vướng mắc và cần được nghiên cứu, hoàn thiện, cụ thể:

- Tại Điều 6 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP (được hướng dẫn bởi Điều 2 Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (Thông tư số 14/2021/TT-BTP)) quy định về thẩm quyền kiểm tra. Tuy nhiên, quy định nêu trên không nêu rõ về thẩm quyền kiểm tra của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, đoàn kiểm tra phải có từ 05 thành viên trở lên, trong đó bao gồm Trưởng đoàn, 01 Phó trưởng đoàn và các thành viên. Tuy nhiên, hiện nay, quy định này còn nhiều vướng mắc trong thực tiễn thi hành, bởi vì, thực tế tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra thấy rằng, quy định này áp dụng ở cấp tỉnh là phù hợp nhưng ở cấp huyện, việc thành lập đoàn kiểm tra với số lượng thành viên nêu trên sẽ ảnh hưởng đến quá trình triển khai và gặp khó khăn do số lượng cán bộ, công chức cấp huyện được bố

<sup>1</sup> Số liệu nêu trên không bao gồm các bộ, ngành: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch và Đầu tư; Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội; Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Theo Báo cáo của các bộ nêu trên thì từ năm 2020 đến tháng 7/2023, các cơ quan này không tiến hành kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Số liệu nêu trên cũng không bao gồm số liệu của Bộ Y tế do cơ quan này chưa có báo cáo gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

trí còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc Nghị định quy định “cứng” 01 Phó trưởng đoàn cũng không phù hợp, thiếu tính linh hoạt trong trường hợp đoàn kiểm tra có nhiều thành viên và kiểm tra nhiều đối tượng.

- Một số quy định về trình tự, thủ tục tổ chức cuộc kiểm tra, xây dựng kết luận kiểm tra, tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP tương đối chặt chẽ. Trong quá trình thực hiện các quy định trên, bộ, ngành, địa phương cho rằng, quy định như vậy rất khó khăn và mất nhiều thời gian tổ chức thực hiện, làm ảnh hưởng đến hiệu quả của cuộc kiểm tra. Bên cạnh đó, một số quy định về thời hạn trong kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính quá ngắn, không bảo đảm tính khả thi.

- Nghị định số 19/2020/NĐ-CP quy định các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, một số hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Điều 12 Luật Xử lý vi phạm hành chính chưa được quy định tại Nghị định này. Bên cạnh đó, trong thực tiễn, có một số hành vi vi phạm của người có thẩm quyền trong quá trình xử lý vụ việc vi phạm hành chính (phát hiện vụ việc vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính, chuyên hồ sơ vụ việc vi phạm) chưa được cụ thể hóa thành hành vi vi phạm. Ngoài ra, một số hành vi hiện hành tại Nghị định không thực sự cần thiết áp dụng hình thức xử lý kỷ luật như hành vi tiết lộ thông tin, tài liệu về kết luận kiểm tra khi chưa có kết luận chính thức, hành vi ban hành trái thẩm quyền văn bản quy định về hành vi vi phạm hành chính, về thẩm quyền, thủ tục, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và biện pháp xử lý hành chính.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn đã nêu, việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP là rất cần thiết, nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, góp phần bảo đảm sự phù hợp, thống nhất và đồng bộ trong hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra và xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích ban hành**

- Đơn giản hoá quy trình, thủ tục thực hiện việc kiểm tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả công tác này.

- Kịp thời cập nhật, bổ sung các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành nhằm bảo đảm sự đầy đủ, toàn diện và đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tạo sự thống nhất giữa quy định pháp luật về

xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính với quy định pháp luật có liên quan tại Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP); Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật này.

- Khắc phục các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong công tác kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

## **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định**

- Nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP phải bảo đảm phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính, thống nhất với Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật khác trong hệ thống pháp luật hiện hành; bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và bảo đảm tính khả thi.

- Kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm khắc phục một cách cơ bản các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tế.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP về:

- Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
- Xử lý kỷ luật người có thẩm quyền, trách nhiệm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

### **2. Đối tượng áp dụng**

- Cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; cơ quan quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Thủ trưởng cơ quan của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

- Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

#### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

1. Để phục vụ cho việc xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đã tổ chức sơ kết 03 năm triển khai thi hành Nghị định số 19/2020/NĐ-CP: (i) Tổ chức 02 Hội nghị sơ kết tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ninh; (ii) xây dựng Báo cáo số 566/BC-BTP ngày 29/12/2023 sơ kết 03 năm triển khai thi hành Nghị định này trên cơ sở tổng hợp báo cáo của 21 bộ, cơ quan ngang bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước và 63 UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Thực hiện quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024), Bộ Tư pháp đã triển khai các công việc sau:

(i) Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định (Quyết định số 287/QĐ-BTP và Quyết định số 288/QĐ-BTP ngày 05/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp); ban hành Kế hoạch xây dựng dự thảo Nghị định (Quyết định số 289/QĐ-BTP ngày 05/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

(ii) Rà soát các quy định của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, đối chiếu với các quy định của pháp luật có liên quan, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và Báo cáo số 566/BC-BTP về việc sơ kết 03 năm triển khai thi hành Nghị định để dự kiến các nội dung sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Nghị định.

(iii) Xây dựng dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ và bản thuyết minh chi tiết dự thảo Nghị định.

(iv) Tổ chức các cuộc họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập để xin ý kiến đối với dự thảo Nghị định.

(v) Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đối tượng chịu sự tác động của văn bản. Đăng tải toàn văn dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp.

(vi) Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia góp ý và chỉnh lý hồ sơ dự thảo Nghị định.

(vii) Ngày .../.../2024, Bộ Tư pháp đã thành lập Hội đồng thẩm định và tiến hành thẩm định đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP (Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày .../.../2024).

(viii) Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ xem xét ban hành.

## **V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị định bao gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP.
- Điều 2: Bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP.
- Điều 3: Trách nhiệm tổ chức thực hiện.
- Điều 4: Điều khoản thi hành.

### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

#### ***2.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP (Điều 1)***

Trên cơ sở rà soát các quy định của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP với các quy định của Luật XLVPHC, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP), Thông tư số 14/2021/TT-BTP và các văn bản pháp luật khác có liên quan, Điều 1 dự thảo Nghị định dự kiến sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, tập trung vào các vấn đề cơ bản sau:

***Thứ nhất***, sửa đổi, bổ sung quy định về việc tự kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 4 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP như sau: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm thường xuyên thực hiện tự kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính ít nhất một (01) lần trong năm nhằm đánh giá việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Quy định này nhằm tạo căn cứ pháp lý cho việc thực hiện chức năng tự kiểm tra của thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, đồng thời, nâng cao nhận thức của các chủ thể này về sự cần thiết của hoạt động tự kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

***Thứ hai***, sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền kiểm tra của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo hướng xác định cụ thể, rõ ràng và phân định thẩm quyền kiểm tra của từng chủ thể tiến hành hoạt động kiểm tra. Cụ thể:

- Bộ trưởng Bộ Tư pháp kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm



hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và giúp Chính phủ kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc; Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi được giao tổ chức thực hiện.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi địa bàn quản lý; cơ quan thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn địa phương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn một tỉnh nhưng phạm vi hoạt động liên quan đến nhiều tỉnh là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trụ sở.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi địa bàn quản lý; cơ quan thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn địa phương.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thực hiện kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với cơ quan, đơn vị cấp dưới của mình.

- Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi ngành, lĩnh vực ở địa phương mà mình tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Thứ ba**, sửa đổi, bổ sung quy định về đoàn kiểm tra theo hướng quy định rõ thẩm quyền thành lập đoàn kiểm tra.

Đồng thời, dự thảo Nghị định quy định chung về thành phần đoàn kiểm tra thay vì quy định cụ thể về yêu cầu số lượng các thành viên đoàn kiểm tra như trong Nghị định số 19/2020/NĐ-CP. Việc sửa đổi này nhằm tháo gỡ 02 vướng mắc trong thực tiễn: (i) Ở cấp huyện, việc thành lập đoàn kiểm tra với số lượng thành viên 05 người như tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP sẽ ảnh hưởng đến quá trình

triển khai và gặp khó khăn do số lượng cán bộ, công chức cấp huyện được bố trí còn hạn chế; (ii) việc khoản 2 Điều 8 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP quy định “cứng” 01 Phó trưởng đoàn là không phù hợp, thiếu tính linh hoạt trong nhiều trường hợp.

**Thứ tư**, bổ sung quy định về nội dung kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, gồm: (i) *Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính*; (ii) *việc hướng dẫn thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền*.

**Thứ năm**, bổ sung quy định yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Kế hoạch kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đến Bộ Tư pháp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ban hành.

**Thứ sáu**, sửa đổi, bổ sung các nội dung cơ bản cần có trong quyết định kiểm tra theo hướng lược bỏ bớt các nội dung trùng lặp với nội dung đã được nêu trong kế hoạch kiểm tra.

**Thứ bảy**, sửa đổi, bổ sung các quy trình, thủ tục, thời hạn thực hiện việc kiểm tra theo hướng đơn giản hoá, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai trong thực tế, cụ thể như sau:

(i) *Tăng thời hạn liên quan đến quy trình, thủ tục kiểm tra*: Tăng thời hạn kiểm tra lên không quá 15 ngày (trong trường hợp cần thiết có thể gia hạn thêm không quá 10 ngày); tăng thời hạn dự thảo kết luận kiểm tra lên không quá 01 tháng (trong trường hợp dự thảo kết luận kiểm tra phức tạp, có phạm vi rộng thì có thể kéo dài nhưng không quá 02 tháng); tăng thời hạn đối tượng được kiểm tra gửi lại ý kiến đối với dự thảo kết luận kiểm tra không quá 15 ngày; tăng thời hạn ban hành kết luận kiểm tra không quá 01 tháng; tăng thời hạn báo cáo thực hiện kết luận kiểm tra lên 02 tháng. Lý do: Theo phản ánh của các bộ, ngành, địa phương, việc quy định các thời hạn nói trên theo quy định hiện hành là quá ngắn, không bảo đảm tính khả thi và không phù hợp với thực tế.

(ii) *Sửa đổi quy trình theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra theo hướng quy định chung về trách nhiệm của cơ quan kiểm tra trong việc theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra*. Lý do: Các nội dung công việc trong quy trình theo dõi, đôn đốc và kiểm tra như: phân công người trực tiếp theo dõi, trao đổi, làm việc với đối tượng được kiểm tra; báo cáo người có thẩm quyền ban hành kết luận kiểm tra về kết quả theo dõi việc thực hiện kết luận kiểm tra; đề xuất văn bản đôn đốc trình người có thẩm quyền ban hành kết luận kiểm tra gửi đối tượng được kiểm tra... là các công việc nội bộ của cơ quan kiểm tra. Do đó, không cần thiết để quy định thành quy phạm pháp luật ở Nghị định này.

**Thứ tám**, sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP

theo hướng quy định dẫn chiếu “*thực hiện việc kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản theo quy định*” mà không dẫn chiếu cụ thể đến Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm tránh việc khó áp dụng quy định trong trường hợp văn bản được dẫn chiếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Thứ chín**, sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP theo hướng bổ trách nhiệm của đối tượng được kiểm tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức thực hiện “*kịp thời và đầy đủ*” các nội dung kiến nghị đã được nêu tại kết luận kiểm tra do trên thực tế, quy định yêu cầu đối tượng được kiểm tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện “*kịp thời và đầy đủ*” các nội dung kiến nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận kiểm tra là khó bảo đảm tính khả thi.

**Thứ mười**, sửa đổi, bổ sung các hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Bãi bỏ 02 hành vi:

(i) Tiết lộ thông tin, tài liệu về kết luận kiểm tra khi chưa có kết luận chính thức (khoản 3 Điều 22 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP).

(ii) Ban hành trái thẩm quyền văn bản quy định về hành vi vi phạm hành chính; về thẩm quyền, thủ tục, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và biện pháp xử lý hành chính (khoản 17 Điều 22 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP).

- Bổ sung 03 hành vi:

(i) Vi phạm thời hạn lập hoặc chuyển biên bản vi phạm hành chính hoặc thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

(ii) Không cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

(ii) Không sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính hoặc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính không kịp thời khi phát hiện sai sót, vi phạm.

**Thứ mười một**, sửa đổi, bổ sung các hình thức xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm khi thi hành công vụ, nhiệm vụ<sup>2</sup>, dự thảo Nghị định dự kiến sửa đổi, bổ sung hình thức xử lý kỷ luật theo hướng gắn hành vi phạm với yếu tố gây hậu quả; đồng thời, căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm

<sup>2</sup> Nghị định số 112/2020/NĐ-CP về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023) quy định về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm (ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng).

để quy định hình thức xử lý kỷ luật tương ứng. Dự thảo Nghị định phân chia thành 02 nhóm hành vi vi phạm:

**Nhóm hành vi 01:** Các hành vi vi phạm có tính chất, mức độ, hậu quả ít nghiêm trọng hoặc có tính chất tương tự các hành vi được quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP<sup>3</sup> (đã được Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định từng hình thức xử lý kỷ luật gắn với hành vi vi phạm):

Dự thảo Nghị định dự kiến quy định thống nhất với hình thức xử lý kỷ luật tương ứng đã được Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định. Theo đó, đối với các hành vi này, nếu cán bộ, công chức, viên chức vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng sẽ bị xem xét áp dụng hình thức xử lý kỷ luật ở mức thấp nhất là khiển trách. Trường hợp tái phạm các hành vi bị xử lý kỷ luật hoặc vi phạm có mức độ, hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng sẽ bị xem xét, xử lý kỷ luật theo mức độ tăng dần tương ứng với từng hình thức kỷ luật là cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức và buộc thôi việc.

**Nhóm hành vi 02:** Các hành vi vi phạm có tính chất, mức độ nghiêm trọng hơn hành vi ở nhóm 01, mang tính đặc thù riêng trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (các hành vi này Nghị định số 112/2020/NĐ-CP không quy định)<sup>4</sup>:

Dự thảo Nghị định dự kiến quy định theo hướng, cán bộ, công chức, viên chức nếu vi phạm một trong các hành vi này sẽ bị xem xét áp dụng hình thức xử lý kỷ luật ở mức cảnh cáo. Trường hợp tái phạm các hành vi bị xử lý kỷ luật cảnh

<sup>3</sup>(i) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản của đối tượng vi phạm; dung túng, bao che, hạn chế quyền của đối tượng vi phạm khi xử lý vi phạm hành chính hoặc lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người làm nhiệm vụ kiểm tra; (ii) Vi phạm thời hạn lập hoặc chuyển biên bản vi phạm hành chính; vi phạm thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; (iii) Xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính không đúng thẩm quyền, thủ tục, đối tượng theo quy định pháp luật hoặc áp dụng hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính; (iv) Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính không kịp thời khi phát hiện sai sót, vi phạm; (v) Không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; không tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; (vi) Sử dụng trái pháp luật tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính; (vii) Không cung cấp hoặc cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, thiếu trung thực liên quan đến nội dung kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; (viii) Thực hiện không đầy đủ, chính xác kết luận kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc thiếu trách nhiệm trong việc chỉ đạo thực hiện kết luận kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; (ix) Không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời khiếu nại, tố cáo trong xử lý vi phạm hành chính.

<sup>4</sup> (i) Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính hoặc giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính; (ii) Can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý vi phạm hành chính hoặc hoạt động kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; (iii) Không lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính hoặc không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người vi phạm theo quy định pháp luật hoặc không tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc không áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính; (iv) Kéo dài thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính; (v) Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính; (vi) Chông đố, cản trở người làm nhiệm vụ kiểm tra, đe dọa, trù dập người cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan kiểm tra, đoàn kiểm tra, gây khó khăn cho hoạt động kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; (vii) Không thực hiện kết luận kiểm tra.

cáo thì bị xem xét, xử lý kỷ luật theo mức độ tăng dần tương ứng với từng hình thức kỷ luật hạ bậc lương, giáng chức, cách chức và buộc thôi việc. Các hành vi này không áp dụng việc xem xét theo các mức độ ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng như nhóm hành vi 01.

**Thứ mười hai**, bổ sung Điều 29a về hình thức xử lý kỷ luật bãi nhiệm để phù hợp với hình thức xử lý kỷ luật tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023).

### **2.2. Bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP (Điều 2)**

Điều 2 dự thảo Nghị định quy định về việc bãi bỏ Điều 19 của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP. Lý do, hiện nay, quy định chung về trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra của đối tượng được kiểm tra đã được quy định tại Điều 20 dự thảo Nghị định. Mặt khác, nhằm đơn giản hoá trình tự, thủ tục theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra, dự thảo Nghị định đã bãi bỏ các quy định về trình tự, thủ tục theo dõi, đôn đốc tại các Điều 20 và 21 của Nghị định 19/2020/NĐ-CP mà bản chất của trình tự, thủ tục này là thứ tự thực hiện các công việc nội bộ của cơ quan kiểm tra. Do đó, nội dung tại Điều 19 của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP không còn phù hợp và không cần thiết được quy định trong dự thảo Nghị định.

### **2.3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện (Điều 3)**

Điều 3 dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này. Cụ thể, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định. Trong khi đó, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định.

### **2.4. Quy định chuyển tiếp và điều khoản thi hành (Điều 4)**

Điều 4 dự thảo Nghị định quy định về điều khoản thi hành, trong đó quy định về thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị định. Đồng thời, Điều 4 dự thảo Nghị định cũng quy định nội dung chuyển tiếp: Các cuộc kiểm tra có quyết định kiểm tra được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng đang được tiến hành tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Nghị định này. Các hành vi vi phạm được xem xét, xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng quy định của pháp luật tại thời điểm đó để xử lý, trừ trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng các quy định của Nghị định này. Đối với các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng việc xem xét, xử lý sau ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị

định này.

## **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN**

Nội dung dự thảo Nghị định có sự kế thừa các quy định có tính ổn định của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, chỉ sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện công tác kiểm tra và xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Các quy định trong dự thảo Nghị định về cơ bản không làm phát sinh thêm các yêu cầu nguồn lực về tài chính và nhân lực để thực hiện, có thể tiếp tục sử dụng và duy trì nguồn lực về tài chính, bộ máy tổ chức tại các cơ quan có thẩm quyền quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

## **VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)**

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo thẩm định; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (4) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (5) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị định; (6) Bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ).*

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, Cục QLXLVPHC&TDTHPL (05b).

**BỘ TRƯỞNG**

**Lê Thành Long**